

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân
tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 12 tháng
9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS
ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu X, phường C, thành
phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12;
giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông
Nguyễn Hữu M và con bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm
2011, bị Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 10 năm
tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ;
Năm 2017, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03
năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày
27/11/2021, chuyển tạm giam từ ngày 03/12/2021 đến nay tại trại tạm giam
Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Nguyễn Viết Tr, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện H,
thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới
tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông
Nguyễn Viết B1 và con bà Chu Thị L1; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm
2005, bị Công an huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác; Năm 2005, bị Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Năm 2008, bị Toà án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; Năm 2016, bị Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2022, chuyển tạm giam từ ngày 19/3/2022 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Phạm Duy K, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ 4, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Duy Kh và con bà Ngô Thị Nh; tiền án: Năm 2017, bị Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2014, bị Công an huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích cho người khác. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh trong một vụ án khác xảy ra tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người bào chữa:

1. Cho bị cáo Tr: Ông Đinh Vinh D - Luật sư, Văn phòng luật sư X, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Số A, khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Cho bị cáo B: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư, Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Số Y, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đề nghị vắng mặt, có bài bào chữa tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đào Đình Qu, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu đô thị G, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chu Văn M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Đề nghị vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Tòa nhà B, P, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H2 - Giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP A; Người được bà Trần Thị Thu H2 ủy quyền lại: Bà Lê Thị Ng và ông Đoàn Minh T - Cán bộ Ngân hàng TMCP A;

Đều ở địa chỉ: Tầng M, tòa nhà H, L, quận H, thành phố Hà Nội. Đề nghị vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Kim Tr1, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 6, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Đề nghị vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 41, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

6. Anh Trần Văn T3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đề nghị vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Các anh Đào Xuân T4, Nguyễn Văn P, Nguyễn Xuân U. Đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu B và Nguyễn Việt Tr là bạn bè quen biết nhau từ trước. Khoảng cuối tháng 10/2021, do cần tiền chi tiêu nên B đặt vấn đề mượn xe ô tô nhãn hiệu KIA-SELTOS BKS 30H-014.72 của Tr (đăng ký mang tên anh Nguyễn Kim Tr1 - sinh năm 1996, trú quán xóm 6, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội) để cầm cố vay tiền, Tr đồng ý. Ngày 23/10/2021 B gọi điện thoại cho bạn là anh Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1990 ở thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương nhờ anh C tìm người cầm cố xe ô tô vay tiền. Anh C đồng ý và liên hệ với anh Đào Xuân T4, sinh năm 1977, ở thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương đặt vấn đề cầm cố xe ô tô, anh T4 yêu cầu phải có chủ xe và xem xe trực tiếp thì mới nhận cầm cố xe ô tô, anh C điện thoại thông báo lại cho B nội dung anh T4 yêu cầu. Sáng ngày 26/10/2021, B gọi điện thoại báo Tr mang xe ô tô KIA SELTOS, biển số 30H-014.72 để B đi cầm cố, Tr bảo B đến nhà bà Nguyễn Thị D5, sinh năm 1962, trú ở Tổ 11, Y, H, Hà Nội (là mẹ đẻ của bạn gái Tr) để bà D5 đưa cho B chìa khóa xe ô tô, còn xe ô tô Tr để ở phía ngoài nhà bà D5. B đi đến nhà bà D5 thì bà D5 đưa cho B chìa khóa xe ô tô. Khi lên xe ô tô, B mở túi da ở kính chắn nắng thấy ở bên trong có 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô KIA SELTOS, biển số 30H-014.72, 01 chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô của xe BKS 30H-014.72 đều mang tên Nguyễn Kim Tr1 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 nhưng trong chứng minh nhân dân không dán ảnh. B biết chứng nhận đăng ký xe ô tô này là giả vì chứng nhận đăng ký xe ô tô thật đang được Tr thế chấp để vay vốn ở Ngân hàng. Trên đường điều khiển ô tô từ TP Hà Nội về huyện Cẩm Giàng, Hải Dương, B

gọi điện thoại cho Phạm Duy K bảo K đến thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giúp B cầm cố xe ô tô, K đồng ý. B gọi điện thuê 01 xe ô tô hãng tự do (không rõ của ai) chở K đến thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. B dặn K nhận mình tên là Tr1 chủ xe ô tô và mang theo 01 ảnh chân dung 3x4 để dán ảnh của K vào giấy chứng minh nhân dân của Tr1.

Tiếp đó, B gọi điện thoại cho C bảo C ra thị trấn Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương đón chủ xe tên là Tr1, rồi thuê nhà nghỉ để chờ B từ Hà Nội về đón đi cầm cố ô tô. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, B đi xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H-014.72 đến nhà nghỉ Mai Trang ở thị trấn Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương rồi đi lên phòng gặp K. B cầm theo túi da bên trong có 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm và 01 chứng minh nhân dân không có ảnh, đều mang tên Nguyễn Kim Tr1. B bảo K dán ảnh của K vào chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 và nhận là Tr1 khi giao dịch cầm cố xe, K đồng ý. B điều khiển xe ô tô chở K đến cửa hàng photo của bà Vũ Thúy P4, sinh năm 1962, trú ở thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương, K vào dán ảnh của K vào chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1, ép plastic rồi photo chứng minh nhân dân này để khi cầm cố cung cấp bản photo với mục đích tránh bị phát hiện. Sau khi photo được bản chứng minh nhân dân có ảnh K nhưng mang tên Nguyễn Kim Tr1, K lên xe ô tô, đưa lại cho B chứng minh nhân dân đã dán ảnh của K rồi B chở K đi vào nhà C. Tại đây, B bảo C dẫn Tr1 là chủ xe (lúc này K tự nhận là Tr1 chủ xe ô tô) đi cầm cố xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H-014.72. B dặn K là cầm cố xe ô tô lấy 400.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng và bảo người nhận cầm xe ô tô chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 050219906688, chủ tài khoản là Vũ Văn T7, sinh năm 1990 ở phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (B là người đang sử dụng tài khoản này). Sau đó, K cầm túi da đựng giấy tờ ô tô mà B đã đưa cho cùng bản photo chứng minh nhân dân, điều khiển xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H-014.72 chở C đến quán cà phê Ami ở Ghẽ, Tân Trường, Cẩm Giàng, Hải Dương gặp anh Đào Đình Qu sinh năm 1993 ở Khu đô thị Ghẽ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và anh Đào Xuân T4. K đưa giấy tờ về xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H-014.72 cho anh Qu và anh T4 xem. Sau khi xem xe và giấy tờ xe, anh Qu hỏi K là “em là Tr1 à?”, K trả lời là “Vâng”. Anh Qu tin những giấy tờ về xe là thật và K chính là Tr1 chủ xe ô tô nên đồng ý nhận cầm cố xe ô tô với số tiền 450.000.000đ. Anh Qu bảo K cung cấp số tài khoản để chuyển tiền và nhờ anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 ở khu đô thị Ghẽ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương chuyển khoản số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 050219906688 mang tên Vũ Văn T7. K gọi điện thoại trao đổi với B và được B thông báo đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng, K bàn giao ô tô BKS30H-014.72 cùng toàn

bộ giấy tờ và 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 cho anh Qu. Sau khi nhận được số tiền 450.000.000 đồng, B chuyển vào tài khoản Ngân hàng của K 10.000.000 đồng để trả công cho K, chuyển vào tài khoản của chị Phạm Thị V sinh năm 1990 ở phường C, thành C, tỉnh Quảng Ninh (là em gái của K và là người yêu của B) số tiền 22.000.000 đồng trả nợ chị V, chuyển vào tài khoản của Trần Văn T3, sinh năm 1983, trú ở Đ, A, Hải Phòng 225.000.000 đồng trả nợ anh T3, chuyển cho Tr số tiền 170.000.000 đồng để Tr dùng vào việc cá nhân, số tiền còn lại 23.000.000 đồng B sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 28/10/2021, Tr và B gặp nhau tại khu vực Hà Đông, Hà Nội và bàn cách lấy lại chiếc xe ô tô mà B đã cầm cố cho anh Qu. Tr bảo B gọi điện thoại cho anh C hỏi: “*Chỗ người nhận cầm xe như nào, có lấy lại xe ô tô được không*”? Nghe vậy C hiểu ý là B muốn trộm cắp lại xe ô tô đã cầm cố cho anh Qu nên anh C không đồng ý nói: “*Chỗ cầm xe này là người quen, không làm thế được*”. B thông báo với anh Tr là anh C không đồng ý trộm cắp xe ô tô đã cầm cố cho anh Qu nên Tr bảo B đưa anh C lên TP Hà Nội gặp Tr để Tr thuyết phục anh C. Chiều ngày 29/10/2021, B mượn xe ô tô của anh Trần Văn B5, sinh năm 1992 trú tại tổ 2, khu 6, phường Đ, thành phố H (B không nhớ BKS xe, đã xác minh nhưng Trần Văn B5 không có mặt tại địa phương) chở anh C lên Hà Nội gặp Tr. Khi gặp anh C, Tr tiếp tục trao đổi với anh C về việc trộm cắp xe ô tô đã cầm cố cho anh Qu nhưng anh C vẫn không đồng ý. Sau đó, 03 người đi xe ô tô của B về Hải Dương, thuê phòng tại nhà nghỉ Châu Á ở P.Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi thuê phòng nghỉ, B và anh C đi chơi, khoảng hơn 0 giờ ngày 30/10/2021, Tr gọi điện thoại bảo B về nhà nghỉ chờ Tr đến nhà anh Qu để Tr lấy lại xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72. Khi còn cách nhà anh Qu khoảng 200 mét, B dừng xe, Tr đi bộ đến nhà anh Qu, vừa đi vừa sử dụng số điện thoại 0933.238383 gọi nhiều lần vào số máy định vị trên ô tô kiểm tra thì không thấy ai trả lời nên Tr biết trong ô tô không có người. Khi đến cửa nhà anh Qu, thấy xe ô tô Kia Seltos biển số 30H-014.72 đang ở trên vỉa hè, đầu xe quay vào nhà còn đuôi xe quay ra đường, Tr sử dụng chìa khóa dự phòng mở khóa, điều khiển ô tô ra đường quốc lộ 5A rồi đi về thành phố Hà Nội. Trên đường đi Tr điện thoại thông báo cho B biết đã lấy được xe ô tô Kia Seltos biển số 30H-014.72. Sau khi đưa Tr đến chỗ xe ô tô, B điều khiển xe ô tô quay lại nhà nghỉ Châu Á rồi chở anh C về nhà.

Đến 03 giờ ngày 30/10/2021, anh Qu phát hiện ô tô đã bị trộm cắp nên gọi điện thoại cho anh C đến cùng xem lại Camera an ninh nhưng không xác định được ai là người lấy ô tô, do nghi ngờ Tr1 (tức K) lấy lại ô tô nên anh C gọi điện thoại cho B yêu cầu B cho số điện thoại của Tr1 nhưng không liên lạc được nên anh C yêu cầu B bảo Tr1 mang ô tô về trả anh Qu. Ngày 03/11/2021 B sử

dụng số điện thoại 0348959136 gọi cho anh C đặt vấn đề trả anh Qu 200.000.000 đồng nhưng anh C không đồng ý và nói đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng khai báo toàn bộ sự việc thì B nói sẽ bán ô tô trả tiền anh Qu. Đến khoảng 15 giờ ngày 06/11/2021 B nhờ anh Nguyễn Xuân U, sinh năm 1987 ở B, T, Hà Nội mang xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H-014.72 đến gặp anh Chu Văn M, sinh năm 1986 ở thôn 5, P, T, thành phố Hà Nội cầm cố ô tô vay 300.000.000 đồng, thời hạn là 01 tháng. Anh M chuyển khoản cho Tr số tiền 280.000.000đ còn 20.000.000 đồng Tr và anh M thỏa thuận là tiền lãi và khoản tiền bảo đảm để Tr chuộc lại ô tô. Sau khi nhận được tiền, Tr chuyển cho B số tiền 240.000.000 đồng để B nhờ bạn gái là chị Phạm Thị V mang đến cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng giao nộp để hoàn trả lại cho anh Qu. Cùng ngày 06/11/2021, chị V cùng bạn là chị Đỗ Thị Gi, sinh năm 1985 ở P. Y, Q. H, TP Hà Nội (bạn gái của Tr) mang số tiền 200.000.000đ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng giao nộp. Ngày 19/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã trả lại cho anh Qu số tiền 200.000.000đ.

Ngày 26/11/2021 và ngày 15/3/2022, B, Tr đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG-TTHS ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cẩm Giàng kết luận: xe ô tô KIA SELTOS biển kiểm soát 30H-014.72 có trị giá là 750.750.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 8597/C09-P5 ngày 28/01/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30H-014.72 gửi giám định là Chứng nhận đăng ký giả (gồm mẫu in, hình dấu và chữ ký) còn các giấy tờ khác như 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe ô tô là thật.

Đối với chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 mà B đưa cho K để K lấy ảnh của mình dán vào rồi đi photo. Sau khi photo xong K đã đưa lại cho B cất giữ còn K cầm bản photo để đi cầm cố xe và đưa cho anh Qu. Chứng minh có đóng dấu đỏ này chỉ có B và K biết và B đã vứt đi, hiện nay không thu hồi được nên Cơ quan điều tra không có tài liệu để trưng cầu giám định.

Tại Cáo trạng số: 36/CT-VKS-P1 ngày 30/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hữu B về tội Trộm cắp tài sản, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173, điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Tr về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu B. Xử phạt bị cáo B từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, từ 08 năm đến 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 03 năm đến 04 năm tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là từ 23 năm 06 tháng đến 26 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2021.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Viết Tr. Xử phạt bị cáo Tr từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Duy K. Xử phạt bị cáo K từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

- Các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Viết Tr, Phạm Duy K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- *Người bào chữa cho bị cáo B, ông Nguyễn Thanh H có văn bản trình bày:* Nhất trí về tội danh và điều luật của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã viện dẫn, truy tố đối với bị cáo B. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, đầu thú theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B 12 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 năm tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tr, ông Đinh Vinh D trình bày:* Nhất trí về tội danh và điều luật của Bộ luật Hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã viện dẫn truy tố đối với bị cáo Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả tội phạm, đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều

51 của Bộ luật hình sự và xem xét đến thực tế thiệt hại của bị hại là số tiền 450 triệu đồng, việc truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản với trị giá xe ô tô 750.750.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản là chưa hợp lý, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn 12 năm tù.

- Bị hại anh Đào Đình Qu đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự xác định đã được bị cáo Tr trả lại số tiền 200 triệu đồng, yêu cầu bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục trả lại cho anh số tiền còn lại là 250 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định, kết luận định giá, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Đối với hành vi của Nguyễn Hữu B, Phạm Duy K: Ngày 26/10/2021, sau khi thống nhất với Tr về việc mang xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos biển kiểm soát 30H-014.72 của Tr đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, B đã điện thoại cho K bảo K cầm theo ảnh kích thước 3x4, hẹn gặp nhau tại thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. B bảo K dán ảnh của K vào giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Kim Tr1 là người đứng tên chủ xe ô tô, nhờ K mạo nhận là chủ xe ô tô và cùng với anh Nguyễn Sỹ C mang xe ô tô đến quán cà phê Ami ở phố Ghẽ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. K dùng giấy chứng nhận đăng ký ô tô giả, bản photo giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Tr1 dán ảnh của K cùng các giấy tờ liên quan cầm cố xe ô tô cho anh Qu lấy số tiền 450.000.000 đồng để chuyển cho B, sau đó B đã chuyển khoản cho Nguyễn Viết Tr 170.000.000 đồng, chuyển cho K 10.000.000 đồng, chuyển cho chị Phạm Thị V 22.000.000 đồng để trả nợ chị V, chuyển cho

anh Trần Văn T3 số tiền 225.000.000 đồng để trả nợ anh T3, số tiền còn lại là 23.000.000 đồng B sử dụng chi tiêu cá nhân. Xét các bị cáo B, K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo B, K đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 450 triệu đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Đối với việc bị cáo B cầm cố xe ô tô cho anh Qu là thực hiện một *tội phạm rất nghiêm trọng*, B biết rõ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nhưng vẫn đưa cho K giấy tờ giả này để K đưa cho anh Qu, nhằm chiếm đoạt số tiền 450 triệu đồng của anh Qu nên hành vi của B đã đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với hành vi của Nguyễn Viết Tr và Nguyễn Hữu B: Khoảng 02 giờ ngày 30/10/2021, B và Tr cùng thống nhất đến nhà anh Qu để lấy lại xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, biển kiểm soát 30H-014.72 đã cầm cố cho anh Qu trước đó. Thấy anh Qu để ô tô ở cửa nhà, không có người trông coi, Tr đã dùng chìa khóa dự phòng mở cửa, mở khóa điện, chiếm đoạt xe ô tô mang về thành phố Hà Nội cất giấu. Giá trị chiếc xe ô tô các bị cáo đã chiếm đoạt là 750.750.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo B, Tr thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo B, Tr, K là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Để có mức án tương xứng với hành vi và lỗi của các bị cáo, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo như sau:

[3.1] Các bị cáo Nguyễn Hữu B, Phạm Duy K đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó bị cáo B là người chủ mưu nên giữ vai trò chính, bị cáo K là đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[3.2] Bị cáo B phải chịu trách nhiệm độc lập về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[3.3] Các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Viết Tr đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản, trong đó bị cáo Tr là người đề xuất, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính, bị cáo B có hành vi chở Tr đi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực.

[4] **Về nhân thân:** Các bị cáo B, Tr, K đều có nhân thân xấu. Bị cáo B đã từng bị kết án về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và tội Mua bán trái phép chất ma túy vào năm 2011 và năm 2017. Bị

cáo Tr đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác vào năm 2005 và đã nhiều lần bị kết án về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội Cố ý gây thương tích và tội Đánh bạc vào các năm 2005, 2008 và 2016. Bị cáo K từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích vào năm 2014.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo B, Tr không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Năm 2017, bị cáo K bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích đối với bản án nêu trên. Do vậy, bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo B, Tr, K đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo B, Tr, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi chiếm đoạt xe ô tô của bị hại, bị cáo Tr đã nhờ chị Phạm Thị V giao nộp số tiền 200 triệu đồng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng để trả lại cho bị hại, mục đích khắc phục một phần hậu quả của tội phạm đã gây ra cho bị hại nên bị cáo Tr được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Tr, B sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại cơ quan công an nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính và nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy cần phải có mức án nghiêm đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

Bị cáo B phạm nhiều tội nên tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba tội theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị cáo B, K đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 450 triệu đồng. Số tiền này B đã sử dụng để trả công cho K 10 triệu đồng, chuyển cho bị Tr số tiền 170 triệu đồng, Bị cáo B sử dụng 23 triệu đồng để chi tiêu cá nhân. Xét việc các bị cáo được hưởng lợi số tiền nêu trên là bất hợp pháp nên Hội đồng xét xử cần cần buộc bị cáo K phải trả lại cho anh Qu số tiền 10 triệu đồng, bị cáo B phải trả lại cho anh Qu số tiền 23 triệu đồng, bị cáo Tr phải trả lại cho anh Qu số tiền 170 triệu đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Thực tế, bị cáo Tr đã trả lại cho anh Qu số tiền 200 triệu đồng nên xác định bị cáo Tr đã thi hành xong việc trả toàn bộ số tiền 170 triệu đồng cho anh Qu. Đối với số tiền 30 triệu đồng trả thừa cho anh Qu, tại phiên tòa, bị cáo Tr tự nguyện không lấy lại số tiền đã trả thừa cho anh Qu nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của bị cáo Tr.

Ngoài ra, bị cáo B còn sử dụng số tiền trên để trả nợ cho chị Phạm Thị V số tiền 22 triệu đồng, trả nợ cho anh Trần Văn T3 số tiền 225 triệu đồng. Chị V, anh T3 không biết số tiền này các bị cáo phạm tội mà có nên xác định chị V, anh T3 là người chiếm hữu ngay tình. Theo quy định tại Điều 167 của Bộ luật Dân sự, trường hợp này chủ sở hữu tài sản là anh Qu có quyền đòi lại số tiền trên từ chị V, anh T3. Tại phiên tòa, bị hại anh Qu xác định đã được trả lại số tiền 200 triệu đồng, còn lại số tiền 250 triệu đồng anh Qu yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần buộc chị V, anh T3 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Qu số tiền đã nhận từ bị cáo B, cụ thể chị V phải hoàn trả cho anh Qu số tiền 22 triệu đồng, anh T3 phải hoàn trả cho anh Qu số tiền 225 triệu đồng. Đối với khoản nợ của bị cáo B và chị V, anh T3 các bên tự thỏa thuận giải quyết, trường hợp có tranh chấp hoặc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Đối với số tiền 280 triệu đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Văn M đã trả cho bị cáo Tr để nhận cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, biển kiểm soát 30H-014.72, anh M yêu cầu giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật. Xét thấy bị cáo Tr là người trực tiếp cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh M, trực tiếp nhận toàn bộ số tiền 280 triệu đồng anh M chuyển cho bị cáo và sử dụng số tiền này để chi tiêu riêng, không chia cho bị cáo B nên cần buộc bị cáo Tr phải hoàn trả cho anh M toàn bộ số tiền 280 triệu đồng.

[9] Về vật chứng:

- Đối với xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 cùng chìa khóa xe do anh Chu Văn M giao nộp cho CQĐT Công an huyện Cẩm Giàng ngày 09/11/2021: Quá trình điều tra, bị cáo Tr và anh Nguyễn Kim Tr1 đều khai nhận vào tháng 4/2021, bị cáo Tr đã nhờ anh Tr1 đứng tên, làm thủ tục mua xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 và thế chấp xe ô tô để vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội. Hiện xe ô tô này đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị được giao xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72, thực hiện việc phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại phiên tòa, bị cáo Tr xác định nhờ anh Tr1 đứng tên, làm thủ tục mua xe ô tô và thế chấp xe ô tô để vay vốn Ngân hàng, thực tế Tr mới là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô trên, khoản tiền vay của Ngân hàng, Tr đã sử dụng hết, nay do không có điều kiện để trả khoản nợ vay, bị cáo Tr tự nguyện giao xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 cho Ngân hàng để thực hiện việc phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp. Anh Tr1 có lời khai xác nhận việc anh Tr1 chỉ là người đứng tên vay tiền và thực hiện việc thế chấp xe ô tô hộ bị cáo Tr tại Ngân hàng, anh Tr1 có văn bản nhất trí giao xe ô tô cho Ngân hàng xử lý theo nội dung thỏa thuận thế chấp xe tại Ngân hàng. Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của bị cáo Tr, anh Tr1 và Ngân hàng, giao xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 cho Ngân hàng A để thực hiện quản lý, xử lý đối với chiếc xe theo nội dung của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa các bên đã ký. Đối với 01 thiết bị định vị GPS màu đen, Imei 353549092033991, bên trong có lắp 01 sim, trên thẻ sim ghi số 8401201112907035, số sim điện thoại là 0773207285, bị cáo Tr khai mua thiết bị này sau khi mua xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 và đang gắn trên xe ô tô, tại phiên tòa bị cáo Tr đề nghị được nhận lại tài sản này nên cần trả lại tài sản này cho bị cáo Tr.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 8736547 đề trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 29- 03V cấp ngày 04/11/2021, 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô số AD22/0138841 đề Công ty Bảo hiểm hàng không Thăng Long cấp ngày 4/11/2021, 01 Giấy thế chấp xe vay vốn ngân hàng là tài liệu Nguyễn Viết Tr đưa cho anh Chu Văn M, do giao xe ô tô KIA SELTOS, BKS: 30H - 014.72 cho Ngân hàng A quản lý nên cần giao các giấy tờ xe này cho Ngân hàng A là phù hợp.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29041833 giả; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 7531725 đề Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 29-

03V cấp ngày 23/4/2021; 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô số AD22/0097128 đề Công ty Bảo hiểm hàng không Thăng Long cấp ngày 23/4/2021; 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 dán ảnh của Phạm Duy K là những tài liệu Phạm Duy K đưa cho anh Đào Đình Qu khi K cầm cố xe ô tô; đây là những vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 017226175 mang tên Nguyễn Viết Tr là giấy tờ nhân thân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Tr.

- Đối với 01 thẻ ngân hàng MB, có dãy số in trên thẻ 9704222038130100, mang tên Phạm Duy K, tại phiên tòa, bị cáo K không đề nghị nhận lại và tự nguyện đề nghị tịch thu, tiêu hủy nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo K. Đối với 01 điện thoại Nokia 105, màu đen, số Imei 357678103391100, lắp sim số 0369.270.590, do Phạm Duy K giao nộp là phương tiện K sử dụng để liên lạc với B khi thực hiện tội phạm nên cần tịch thu phát mại, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc mũ lưỡi trai màu trắng, có ghi dòng chữ “Nón sơn” không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo B tự nguyện đề nghị tịch thu cho tiêu hủy nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo B. Đối với 01 điện thoại Nokia 6700, màu vàng, số Imei 351525048188123, lắp sim số 0352.577.404; 01 điện thoại Iphone, màu xanh đen, số Imei 356738081937331, lắp sim số 0336.929.051; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei1: 353107114108802, Imei 2: 3531071144608801, lắp sim số 0348959136, B đã sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ Visa Debit của ngân hàng MB, có dãy số in trên thẻ 4089041066795824, mang tên Vũ Văn T7, B và anh Vũ Văn T7 đều khai B đã nhờ anh T7 sử dụng chứng minh nhân dân của anh T7 để mở thẻ ngân hàng trên, anh T7 không quản lý, sử dụng thẻ Ngân hàng này. B là người trực tiếp sử dụng thẻ Ngân hàng này và đã dùng để nhận tiền chiếm đoạt của bị hại nên cần tịch thu, cho tiêu hủy đối với thẻ Ngân hàng này.

- Đối với 01 điện thoại Nokia, màu đen, số Imei1: 354195105062632, Imei 2: 354195105562631, lắp sim 1 số 0345312832, sim 2 số 0328913831 là tài sản của anh Nguyễn Sỹ C, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho anh C là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo B, Tr, K bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo B, K còn có nghĩa vụ phải bồi thường, bị cáo Tr có nghĩa vụ phải hoàn trả tiền nên các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] *Những vấn đề khác:*

Đối với hành vi của Nguyễn Viết Tr cho B mượn xe ô tô KIA SELTOS, BKS 30H-014.72 để cầm cố cho anh Qu: Quá trình điều tra, Tr xác định trước ngày 26/10/2021, Tr biết rõ xe ô tô trên và giấy chứng nhận đăng ký xe đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP A nhưng do Tr và B đang cần tiền chi tiêu cá nhân nên Tr đã thống nhất để B mang xe về Hải Dương cầm cố xe lấy tiền và thực tế ngày 26/10/2021 B đã cùng K dùng giấy tờ giả xe ô tô để cầm cố thành công xe ô tô và đã chiếm đoạt của anh Qu số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi cầm xe ô tô cho anh Qu, Tr đã được B chuyển khoản ngay cho số tiền 170 triệu đồng. Lời khai của B trong quá trình điều tra xác định về việc B được Tr nói qua điện thoại là Tr đã chuẩn bị sẵn giấy tờ xe ô tô giả, chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 giả (chưa dán ảnh), các giấy tờ này do Tr làm thông qua người quen biết trên mạng xã hội, được Tr để sẵn ở trên tấm chắn nắng của xe ô tô. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, tuy Tr không thừa nhận có việc chuẩn bị sẵn các giấy tờ giả nêu trên cho B, nhưng thông qua lời khai của bị cáo K xác nhận ngày 26/10/2021 có thấy B đưa cho 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 (chưa có ảnh) và K đã dùng ảnh chân dung của K để dán vào chứng minh thư nhân dân này, sau đó đem photo lại, dùng bản chứng minh nhân dân photo để đi cầm cố xe ô tô cho anh Qu theo yêu cầu của bị cáo B. Như vậy, hành vi của bị cáo Tr có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo B với vai trò giúp sức về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án đã quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị xem xét hành vi trên của Nguyễn Viết Tr, để không bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, tại Công văn số 677/VKS-P1 ngày 12/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trả lời không có căn cứ để xử lý Nguyễn Viết Tr về hành vi khác, do vậy VKSND tỉnh Hải Dương vẫn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 36 ngày 30/5/2022. Căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử, do vậy HĐXX kiến nghị Cơ quan điều tra, truy tố của tỉnh Hải Dương tiếp tục xác minh điều tra đối với Nguyễn Viết Tr về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nếu có căn cứ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Sỹ C giúp B trong việc tìm người nhận cầm cố xe ô tô Kia Seltos, biển số 30H- 014.72 và tin K chính là anh Nguyễn Kim Tr1, là người đứng tên trong chứng nhận đăng ký xe ô tô nên dẫn K đi cầm cố ô tô cho anh Qu. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp ô tô, B và Tr có trao đổi với C về việc lấy lại xe ô tô đã cầm cố cho anh Qu nhưng C không đồng ý; khi Tr và B thực hiện hành vi trộm cắp ô tô thì C không biết; sau khi anh Qu thông báo với C bị mất xe ô tô thì anh Qu và C thống nhất: Anh Qu trình báo Cơ quan Công an còn C gọi điện thoại cho B hỏi số điện thoại của K (Tr1) và sau đó Công lên Hà Nội đi tìm B, yêu cầu B trả ô tô cho anh Qu nhưng B không

thực hiện. Sau đó C đã đến Cơ quan điều tra khai báo nội dung sự việc, lời khai của C là chứng cứ quan trọng để khởi tố bị can đối với B về tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy C không đồng phạm với các bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và không có dấu hiệu của tội “Không tố giác tội phạm”

Đối với anh Chu Văn M: Anh M có hành vi nhận cầm cố xe ô tô Kia Seltos, biển số 30H- 014.72 của Nguyễn Viết Tr sau khi Tr trộm cắp được xe ô tô này, anh M không biết chiếc xe này do Tr phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tr và anh M thỏa thuận anh M nhận cầm cố ô tô cho Tr vay 300.000.000 đồng nhưng chỉ giao cho Tr 280.000.000 đồng. Số tiền 20 triệu đồng cất lại bao gồm lãi suất theo mức quy định của ngân hàng còn lại là khoản tiền bảo đảm để Tr có trách nhiệm trả tiền vay để lấy lại ô tô khi hết thời hạn cầm cố. Vì vậy, hành vi của anh Chu Văn M không cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đối với hành vi của K dán ảnh của mình vào chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương không truy tìm được giấy chứng minh thư nhân dân này để giám định nên không có căn cứ xem xét để xử lý B và K về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đối với hành vi của K dùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 30H-014.72 giả giúp B cầm cố xe ô tô cho anh Qu lấy số tiền 450.000.000đ nhưng K không biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên không có căn cứ xem xét xử lý K về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra B khai Tr là người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Kia setos biển kiểm soát 30H-014.72, nhưng ngoài lời khai của B thì không có tài liệu, chứng cứ xác định Tr là người làm giả giấy tờ chứng nhận đăng ký xe ô tô; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không xác định được người đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nên không đủ căn cứ để khởi tố, xử lý Tr, B về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định tách vụ án hình sự số 04 ngày 25/5/2022 về tội Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức và làm thủ tục chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để điều tra theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hữu B.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Viết Tr.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Duy K.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các Điều 167, 579, 580, 582, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội Trộm cắp tài sản, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết Tr phạm tội Trộm cắp tài sản.

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 12 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 10 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 25 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Tr 13 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2022.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy K 10 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu đi thi hành án.

3. Kiến nghị: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tiếp tục xác minh, điều tra đối với Nguyễn Viết Tr về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đào Đình Qu để xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

4. Về trách nhiệm dân sự, xử:

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu B, bị cáo Phạm Duy K, chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T3 phải hoàn trả lại cho anh Đào Đình Qu số tiền như sau: Bị cáo

B phải trả 23 triệu đồng, bị cáo K phải trả 10 triệu đồng, chị V phải trả 22 triệu đồng, anh T3 phải trả 225 triệu đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Viết Tr phải hoàn trả cho anh Đào Đình Qu số tiền 170 triệu đồng (*Bị cáo Tr đã thi hành xong*). Chấp nhận việc bị cáo Tr đã tự nguyện trả cho anh Qu số tiền 30 triệu đồng (đã trả xong).

- Buộc bị cáo Nguyễn Viết Tr phải hoàn trả cho anh Chu Văn M số tiền 280 triệu đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về vật chứng:

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Viết Tr và anh Nguyễn Kim Tr1, Ngân hàng TMCP A: Giao xe ô tô KIA SELTOS, BKS 30H-014.72, chìa khóa xe nhãn hiệu KIA và các giấy tờ xe gồm 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 8736547 đề Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 29- 03V cấp ngày 04/11/2021, 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô số AD22/0138841 đề Công ty Bảo hiểm hàng không Thăng Long cấp ngày 4/11/2021, 01 Giấy thế chấp xe vay vốn ngân hàng cho Ngân hàng TMCP A quản lý để thực hiện xử lý xe ô tô theo hợp đồng thế chấp giữa các bên.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29041833 giả; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 7531725 đề Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 29- 03V cấp ngày 23/4/2021; 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô số AD22/0097128 đề Công ty Bảo hiểm hàng không Thăng Long cấp ngày 23/4/2021; 01 Bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Kim Tr1 dán ảnh của Phạm Duy K.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng MB, có dãy số in trên thẻ 9704222038130100, mang tên Phạm Duy K; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu trắng, có ghi dòng chữ “Nón sơn”; 01 thẻ Visa Debit của ngân hàng MB, có dãy số in trên thẻ 4089041066795824, mang tên Vũ Văn T7.

- Tịch thu, cho phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 105, màu đen, số Imei 357678103391100, lắp sim số 0369.270.590; 01 điện thoại Nokia 6700, màu vàng, số Imei 351525048188123, lắp sim số 0352.577.404; 01 điện thoại Iphone, màu xanh đen, số Imei 356738081937331, lắp sim số 0336.929.051; 01 điện thoại Nokia, số Imei1: 353107114108802, Imei 2: 3531071144608801, lắp sim số 0348959136.

- Trả lại anh Nguyễn Sỹ C: 01 điện thoại Nokia, màu đen, số Imei1: 354195105062632, Imei 2: 354195105562631, lắp sim 1 số 0345312832, sim 2 số 0328913831.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Viết Tr 01 giấy chứng minh nhân dân số 017226175 mang tên Nguyễn Viết Tr; 01 thiết bị định vị GPS màu đen, Imei 353549092033991, bên trong có lắp 01 sim số 0773207285, trên thẻ sim ghi số 8401201112907035.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng vụ án và lưu trong hồ sơ vụ án).

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Viết Tr, Phạm Duy K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo B phải chịu 1.150.000 đồng; bị cáo Tr phải chịu 14.000.000 đồng; bị cáo K phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuyết

